DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM

LIST OF MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số: 416.2021/QĐ - VPCNCL ngày 21 tháng 7 năm 2021 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa xét nghiệm**

Medical Testing Laboratory ***Laboratory department***

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện đa khoa tư nhân Hà Thành**

Organization: ***Ha Thanh Private General Hospital***

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh, Huyết học**

Field of medical testing: ***Biochemistry, Hematology***

Người phụ trách/ *Representative:* **TS.BSCKII. Nguyễn Khánh Hội**

Người có thẩm quyền ký/ A*pproved signatory* :

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	Nguyễn Khánh Hội	Các chỉ tiêu xét nghiệm được công nhận/ *Accredited medical tests.*
2.	Lưu Thị Vũ Nga	
3.	Trần Thị Hồng Ngọc	
4.	Lê Như Quỳnh	Các chỉ tiêu xét nghiệm được công nhận trong giờ trực/ *Accredited medical tests on shiff.*
5.	Nguyễn Văn Thọ	
6.	Hoàng Thị Mai	
7.	Phan Ngọc Minh	
8.	Đỗ Thị Thu	
9.	Nguyễn Thị Hiền	
10.	Vũ Thị Việt Trinh	
11.	Phạm Hương Ly	
12.	Đinh Xuân Mạnh	
13.	Lê Trường Sơn	

Số hiệu/ *Code:* VILAS MED 145

Hiệu lực/ *Validation:* **21/07/2024**

Địa chỉ/ *Address*: **Số 61, Phố Vũ Thạnh, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội**

Địa điểm/*Location:* **Số 61, Phố Vũ Thạnh, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **0243.765.5599**

E-mail: khoaxetnghiem@benhvienhathanh.vn Website: benhvienhathanh.vn

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**

Discipline of medical testing: ***Biochemistry***

STT *No.*	**Loại mẫu (chất chống đông)** ***Type of sample (speciment)/ anticoaggulant (if any)***	**Tên các chỉ tiêu xét nghiệm** ***The name of medical tests***	**Kỹ thuật xét nghiệm** ***Technical test***	**Phương pháp xét nghiệm** ***Test method***
1	**Huyết tương (Lithium heparine)** ***Plasma (Lithium heparine)***	Định lượng Glucose *Determination of Glucose*	Động học enzyme *Enzym kinetique with Hexokinase*	XN-QTHS-01c (Cobas c501)
2		Định lượng Ure *Determination of Urea*	Động học enzyme *Enzym kenetique*	XN-QTHS-04c (Cobas c501)
3		Định lượng Cholesterol *Determination of Cholesterol*	Enzym so màu *Enzymatic colorimetric*	XN-QTHS-08c (Cobas c501)
4		Định lượng AST *Determination of Aspartate Aminotransferase*	Động học enzyme *Enzym kenetique*	XN-QTHS-02c (Cobas c501)

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**

Discipline of medical testing: ***Hematology***

STT *No.*	**Loại mẫu (chất chống đông)** ***Type of sample (speciment)/ anticoaggulant (if any)***	**Tên các chỉ tiêu xét nghiệm** ***The name of medical tests***	**Kỹ thuật xét nghiệm** ***Technical test***	**Phương pháp xét nghiệm** ***Test method***
1.	**Máu toàn phần (EDTA)** ***Whole blood (EDTA)***	Đếm số lượng hồng cầu (RBC) *Determination of Red blood cell*	Điện trở kháng *Electrical impedance*	XN-QTHH-05b (Sysmex XN-1000)
2.		Đếm số lượng bạch cầu (WBC) *Determination of white blood cell*	Điện trở kháng *Electrical impedance*	XN-QTHH-05c (Sysmex XN-1000)
3.		Đếm số lượng tiểu cầu (PLT) *Determination of Platele*	Đo quang (Laser) *Optical count*	XN-QTHH-05a (Sysmex XN-1000)

Ghi chú/ *Note*:
- XN-QTHH….: Phương pháp nội bô/ *In-house method*